

Bản án số: 83/2020/HS-ST

Ngày: 25/8/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Biểu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Ngọc Khải và ông Phạm Thanh Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thủy Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông Trần Công Luật - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 80/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2020, đối với bị cáo:

*** Phạm Văn T**, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Hưng Yên; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phạm Thanh T1, sinh năm 1971 và bà Dư Thị H, sinh năm 1971; Vợ: Phạm Kiều C, sinh năm 1993; có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 09/7/2012, bị Công an huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xử phạt hành chính về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/5/2020 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên, *(có mặt)*.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Khúc Văn T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ dân phố D, phường E, thị xã C, tỉnh Hưng Yên, *(vắng mặt)*.

- Ông Nguyễn Khắc S, sinh năm 1960. Địa chỉ: Tổ dân phố G, phường H, thị xã C, tỉnh Hưng Yên, *(có mặt)*.

- Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường H, thị xã C, tỉnh Hưng Yên, *(vắng mặt)*.

- Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn I, xã K, thị xã C, tỉnh Hưng Yên, *(có mặt)*.

- Anh Phạm Đình T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn I, xã K, thị xã C, tỉnh Hưng Yên, *(vắng mặt)*.

- Anh Nguyễn Doanh T, sinh năm 2000. Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường B, thị xã C, tỉnh Hưng Yên, *(vắng mặt)*.

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn, xã K, thị xã C, tỉnh Hưng Yên, (*vắng mặt*).
- Anh Đặng Công H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường L, thị xã C, tỉnh Hưng Yên, (*vắng mặt*).
- Anh Phạm Đức T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Tổ dân phố O, phường L, thị xã C, tỉnh Hưng Yên, (*vắng mặt*).
- Anh Phạm Ngọc L, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường L, thị xã C, tỉnh Hưng Yên, (*vắng mặt*).
- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Tổ dân phố O, phường L, thị xã C, tỉnh Hưng Yên, (*vắng mặt*).
- Anh Hoàng Minh T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn T, xã K, thị xã C, tỉnh Hưng Yên, (*vắng mặt*).
- Anh Phạm Hồng T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường B, thị xã C, tỉnh Hưng Yên, (*có mặt*).
- Anh Phạm Văn T, sinh năm 1979 và chị Phạm Thị Ánh T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Hưng Yên, (*vắng mặt*).
- Chị Đặng Thị H, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Hưng Yên, (*vắng mặt*).
- Anh Phạm Văn S, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường B, thị xã C, tỉnh Hưng Yên, (*vắng mặt*).
- Anh Phạm Văn T, sinh năm 1980 và chị Vũ Thị B, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường B, thị xã C, tỉnh Hưng Yên, (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi đánh bạc: Hồi 17 giờ 30 phút ngày 14/5/2020, tại quán “Trà chanh PC” có địa chỉ tại số 1186 Nguyễn Văn L, phường B, thị xã C, tỉnh Hưng Yên, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hưng Yên bắt quả tang Phạm Văn T đang có hành vi đánh bạc dưới hình thức bán các số lô, số đề cho các anh Phạm Đình H, sinh năm 2001, địa chỉ: Thôn I, xã K, thị xã C; anh Lương Văn H, sinh năm 1998, địa chỉ: Thôn 1, xã S, thị xã C và anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1989 ở thôn 2, xã V, huyện U, tỉnh Hưng Yên; Thu giữ của Phạm Văn T: 01 quyển sổ bên ngoài có chữ “*Sổ nhật ký*”, bên trong có 06 trang ghi các số lô, số đề (*bảng lô đề*) ngày 14/5/2020 ký hiệu A2; 01 bút bi; 02 điện thoại di động; số tiền 21.270.000 đồng; thu giữ của Phạm Đình H 01 mảnh giấy ghi các số lô, số đề (cấp lô đề) được ký hiệu A3; thu giữ của Lương Văn H 01 mảnh giấy ghi các số lô, số đề được ký hiệu A4; thu giữ của Nguyễn Văn D 01 mảnh giấy ghi các số lô, số đề được ký hiệu A5.

Bản kết luận giám định số 135/PC09 ngày 20/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên, kết luận: Chữ viết trên tài liệu cần giám định ký A2, A3, A4, A5 là chữ viết của Phạm Văn T.

Quá trình điều tra đã làm rõ: Phạm Văn T hợp đồng thuê căng tin của Công ty cổ phần sản xuất, xuất nhập khẩu PĐ, có địa chỉ tại số 11 Nguyễn Văn L,

phường B, thị xã C, tỉnh Hưng Yên để mở quán “Trà chanh PC” bán nước giải khát. Theo lời khai của Phạm Văn T, trong quá trình bán nước giải khát thấy có nhiều người hỏi mua số lô đề, do vậy Phạm Văn T đã tìm gặp Cao Xuân K là chủ lô đề, xin làm thư ký lô đề, K đồng ý và thống nhất thỏa thuận như sau: Hàng ngày Phạm Văn T ghi, bán số lô đề cho khách sau đó tổng hợp thành bảng lô đề, đến 18 giờ hàng ngày Phạm Văn T chuyển bảng qua tin nhắn điện thoại di động hoặc tin nhắn zalo (*số điện thoại của Phạm Văn T là 0338280888, số điện thoại của K là 0989357422*), việc thanh toán tiền thắng, thua sẽ được thực hiện vào ngày hôm sau. Đối với các số lô thì Phạm Văn T thu của khách là 22.000 đồng đến 23.000 đồng/01 “điểm” lô, chuyển cho K là 21.900 đồng/01 “điểm” lô; đối với số đề thì K thu của Phạm Văn T 75% trị giá của các số đề, Phạm Văn T khuyến mại cho khách từ 10% đến 15%. Hình thức đánh bạc dưới hình thức chơi lô đề như sau: Căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng hàng ngày, số trúng đề là số trùng với hai số cuối của giải đặc biệt người chơi được số tiền gấp 70 lần; số trúng lô là số trùng với hai số cuối của 27 giải thưởng, người chơi được số tiền bằng 80.000 đồng/01 điểm lô. Ngày 14/5/2020, Phạm Văn T đã bán các số lô, số đề cho khách được số tiền 6.650.000 đồng, gồm: Phạm Đình H 370.000 đồng; Lương Văn H 30.000 đồng; Nguyễn Văn D 550.000 đồng và một số khách không biết tên tuổi và địa chỉ số tiền 5.7000.000 đồng.

Căn cứ lời khai của Phạm Văn T, Cơ quan điều tra đã khám xét khẩn cấp nơi ở của Cao Xuân K nhưng không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì có liên quan đến việc chơi lô đề. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa Cao Xuân K và Phạm Văn T, nhưng Cao Xuân K không thừa nhận hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề với Phạm Văn T. Do vậy chưa đủ căn cứ xử lý đối với Cao Xuân K.

Đối với các đối tượng Lương Văn H và Phạm Đình H có hành vi đánh bạc dưới hình thức chơi số đề với số tiền dưới 5.000.000 đồng, bản thân chưa có tiền án, tiền sự nên Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Hùng và Huy.

Đối với đối tượng tự khai tên là Nguyễn Văn D, sinh năm 1989 ở thôn 2, xã V, huyện U, tỉnh Hưng Yên có hành vi đánh bạc bị bắt quả tang vào ngày 14/5/2020. Quá trình làm việc, lợi dụng sơ hở, trời tối Dũng đã bỏ trốn, tổ công tác đã tiến hành truy bắt nhưng không được. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ đề nghị xử lý sau.

Đối với hành vi đánh bạc dưới hình thức bán số lô, số đề của Phạm Văn T trước ngày 14/5/2020 chưa đủ căn cứ để xử lý.

2. Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự: Sau khi bắt quả tang Phạm Văn T về hành vi đánh bạc, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp tại quán “Trà chanh PC” thu giữ: 15 giấy vay tiền mang tên Khúc Văn T, Nguyễn Khắc S, Nguyễn Trọng T, Nguyễn Hữu T, Phạm Đình T, Nguyễn Văn T, Đặng Công H, Phạm Đắc T, Phạm Ngọc L, Nguyễn Văn T, Hoàng Minh T, Phạm Văn S, Phạm Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Doanh T; 01 hợp đồng thuê xe mô tô; 02 giấy bán xe mô tô; 01 quyển sổ màu hồng có ghi 03 hợp đồng vay cầm đồ (01 hợp đồng vay cầm đồ ghi tên Phạm Văn C, 2 hợp đồng vay cầm đồ

ghi tên Nguyễn Mạnh C); 02 thẻ căn cước công dân của các anh Nguyễn Doanh T và Nguyễn Văn T; 03 đăng ký xe mô tô mang tên Phạm Văn S, Phạm Đình T và Vũ Thị B; 01 sổ bảo hiểm xã hội của Anh Khúc Văn T; 01 quyển sổ bìa màu đen bên trong có 05 trang có chữ và số (ký hiệu A1); 04 tờ giấy phô tô có ghi chữ và số; 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và số tiền 5.500.000 đồng; 10 mẫu giấy biên nhận tiền mua giúp xe máy; 10 mẫu giấy vay tiền; 20 mẫu giấy bán xe; 20 mẫu hợp đồng cho vay cầm đồ. Khám xét khăn cấp chỗ ở của Phạm Văn T thu giữ: 02 quyển sổ có các mẫu hợp đồng cho vay cầm đồ; 01 quyển sổ bìa màu đen bên trong có 12 trang có các chữ và số.

Bản kết luận giám định số 135/PC09 ngày 20/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên, kết luận: Chữ viết trên tài liệu cần giám định ký A1 là chữ viết của Phạm Văn T.

Quá trình điều tra làm rõ: Ngày 21/11/2016, Phạm Văn T đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ tại nhà ở của mình thuộc Tổ dân phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Hưng Yên, nhưng không treo biển hiệu kinh doanh. Sau đó Phạm Văn T đã thực hiện việc cho người khác vay tiền với 02 hình thức cụ thể như sau:

Hình thức vay trả lãi ngày (*lãi suất tính theo ngày*), tùy theo mối quan hệ giữa Phạm Văn T và người vay tiền mà Phạm Văn T sẽ tính lãi suất chủ yếu từ 1.500 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (viết tắt là: 1.500 đồng/1 triệu/01 ngày đến 5.000 đồng/1 triệu/01 ngày, cứ 30 ngày phải trả lãi một lần, thời hạn vay tùy thuộc thỏa thuận, người vay tiền phải viết, ký nhận vào giấy vay tiền theo mẫu Phạm Văn T đã in sẵn.

Hình thức nhận cầm cố tài sản, giấy tờ: Khi người vay tiền có nhu cầu cầm cố tài sản, giấy tờ thì người vay tiền phải viết, ký nhận vào một hợp đồng bán xe và hợp đồng thuê xe theo mẫu Phạm Văn T đã in sẵn với mức lãi suất từ 1.500 đồng/01 triệu/01 ngày đến 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*lãi suất được tính tùy theo mối quan hệ giữa Phạm Văn T với khách và giá trị tài sản cầm cố*). Khi người vay tiền thanh toán xong cả tiền gốc và tiền lãi thì Phạm Văn T sẽ hủy hợp đồng và trả lại tài sản cho họ.

Trong thời gian từ ngày 23/4/2018 đến ngày 14/5/2020, Phạm Văn T đã cho vay lãi nặng đối với 17 người, gồm:

1. Anh Khúc Văn T, sinh năm 1990 ở tổ dân phố D, phường E, thị xã C: Ngày 06/01/2020, anh Khúc Văn T thế chấp sổ bảo hiểm xã hội vay Phạm Văn T số tiền 35.000.000 đồng, lãi suất vay là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*tức 182,5%/1 năm*); thỏa thuận 30 ngày đóng lãi 01 lần, anh Khúc Văn T đã trả được số tiền lãi là 21.000.000 đồng. Hiện anh Khúc Văn T vẫn nợ Phạm Văn T số tiền gốc vay nêu trên. Số tiền thu lời bất chính do thu lãi suất vượt quá 20%/1 năm là 18.660.275 đồng.

2. Ông Nguyễn Khắc S, sinh năm 1960 ở tổ dân phố G, phường H, thị xã C: Từ tháng 5/2018 đến nay ông Nguyễn Khắc S đã hai lần vay tiền của Phạm Văn T với tổng số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất vay là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*tức 109,5%/1 năm*); thỏa thuận 30 ngày đóng lãi 01 lần, ông Nguyễn Khắc S đã trả được số tiền lãi là 22.590.000 đồng. Hiện ông Nguyễn Khắc S còn nợ Phạm Văn T số tiền gốc hai lần vay nêu trên. Số tiền thu lời bất chính do thu lãi suất vượt quá 20%/1 năm là 18.393.289 đồng.

3. Anh Nguyễn Trọng T sinh năm 1994, ở tổ dân phố Q, phường H, thị xã Mỹ Hào: Ngày 01/3/2019, anh Nguyễn Trọng T đã vay của Phạm Văn T số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất vay là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*tức 182,5%/1 năm*); thỏa thuận 30 ngày đóng lãi 01 lần. Ngày 01/6/2019, anh Nguyễn Trọng T đã trả được tổng số tiền lãi là 30.000.000 đồng và đã trả 50.000.000 đồng tiền gốc. Ngày 26/02/2020, anh Nguyễn Trọng T vay Phạm Văn T số tiền 20.000.000 đồng với mức lãi suất như trên, anh Nguyễn Trọng T đã trả được tổng số tiền lãi là 6.000.000 đồng, hiện còn nợ Phạm Văn T 20.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền thu lời bất chính do thu lãi suất vượt quá 20%/1 năm là 31.961.645 đồng.

4. Anh Nguyễn Hữu H sinh năm 1989, ở thôn I, xã K, thị xã C: Từ tháng 3/2020, Anh Nguyễn Hữu H đã hai lần vay tiền của Phạm Văn T với tổng số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất vay là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*tức 182,5%/1 năm*); thỏa thuận 30 ngày đóng lãi 01 lần, Anh Nguyễn Hữu H đã trả tiền lãi là 1.500.000 đồng, hiện còn nợ số tiền gốc hai lần vay nêu trên là 20.000.000 đồng. Số tiền thu lời bất chính do thu lãi suất vượt quá 20% /1 năm là 1.324.658 đồng.

5. Anh Phạm Đình T sinh năm 1983 ở thôn I, xã K, thị xã C: Ngày 27/4/2020, anh Thắng vay Phạm Văn T số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất vay là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*tức 182,5%/1 năm*); thỏa thuận 30 ngày đóng lãi 01 lần. Anh Thắng phải viết giấy bán xe mô tô cho Phạm Văn T và viết hợp đồng thuê lại xe mô tô để vay tiền. Số tiền vay nêu trên của anh Thắng chưa đến ngày trả tiền lãi. Hiện anh Thắng vẫn nợ Phạm Văn T tiền gốc vay nêu trên.

6. Anh Nguyễn Văn T sinh năm 1984, ở thôn T, xã K, thị xã Mỹ Hào: Ngày 24/5/2019, anh Nguyễn Văn T thế chấp chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T để vay Phạm Văn T số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận 30 ngày đóng lãi một lần, lãi suất vay là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*tức 182,5%/1 năm*), Anh Nguyễn Văn T đã trả lãi với tổng số tiền 15.000.000 đồng. Hiện anh Nguyễn Văn T còn nợ Phạm Văn T số tiền gốc vay trên. Số tiền thu lời bất chính do thu lãi suất vượt quá 20% /1 năm là 13.323.288 đồng.

7. Anh Đặng Công H, sinh năm 1983, ở tổ dân phố M, phường L, thị xã C: Ngày 29/12/2018, anh H vay của Phạm Văn T số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất vay là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*tức 146%/1 năm*); thỏa thuận 30 ngày đóng lãi 01 lần. Anh H đã trả lãi với số tiền 38.400.000 đồng. Hiện anh H còn nợ số tiền gốc vay nêu trên. Số tiền thu lời bất chính do thu lãi suất vượt quá 20% /1 năm là 33.052.057 đồng.

8. Anh Phạm Đắc T, sinh năm 1994, ở tổ dân phố O, phường L, thị xã C: Tháng 01/2020 anh Phạm Đắc T đã hai lần vay tiền của Phạm Văn T với tổng số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất vay là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*tức 182,5%/1 năm*), thỏa thuận 30 ngày đóng lãi 01 lần, anh Phạm Đắc T đã trả lãi với số tiền 10.500.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền gốc. Hiện anh Phạm Đắc T còn nợ Phạm Văn T tiền gốc 10.000.000 đồng. Số tiền thu lời bất chính do thu lãi suất vượt quá 20% /1 năm là 9.327.398 đồng.

9. Anh Phạm Ngọc L sinh năm 1990, ở tổ dân phố M, phường L, thị xã C: Ngày 31/01/2020, anh L vay Phạm Văn T số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất vay là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*tức 182,5%/1 năm*); thỏa thuận 30 ngày đóng lãi

01 lần, anh L đã trả lãi với số tiền 4.500.000 đồng. Hiện anh L còn nợ số tiền gốc vay nêu trên. Số tiền thu lời bất chính do thu lãi suất vượt quá 20% /1 năm là 4.001.370 đồng.

10. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995, ở tổ dân phố O, phường L, thị xã C: Ngày 25/01/2019 và ngày 14/3/2019, anh Nguyễn Văn T đã hai lần vay tiền của Phạm Văn T với tổng số tiền 45.000.000 đồng, lãi suất vay là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*tức 109,5%/1 năm*); thỏa thuận 30 ngày đóng lãi 01 lần, anh Nguyễn Văn T đã trả số tiền lãi là 13.050.000 đồng và trả số tiền gốc là 40.000.000 đồng, hiện còn nợ lại Phạm Văn T 5.000.000 đồng tiền gốc vay lần thứ nhất. Số tiền thu lời bất chính do thu lãi vượt quá 20%/1 năm là 10.630.823 đồng.

11. Anh Hoàng Minh T, sinh năm 1990, ở thôn T, xã K, thị xã C: Ngày 21/3/2020, anh Hoàng Minh T vay Phạm Văn T số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất vay là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*tức 182,5%/1 năm*); thỏa thuận 30 ngày đóng lãi 01 lần. Anh Hoàng Minh T đã trả lãi với số tiền 2.000.000 đồng. Hiện anh Hoàng Minh T còn nợ số tiền gốc vay nêu trên. Số tiền thu lời bất chính do thu lãi suất vượt quá 20%/1 năm là 1.649.315 đồng.

12. Anh Phạm Hồng T, sinh năm 1984, ở tổ dân phố P, phường B, thị xã C: Ngày 10/10/2019, anh Phạm Hồng T vay Phạm Văn T số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất vay là 5.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày (*tức 182,5%/1 năm*); thỏa thuận 30 ngày đóng lãi 01 lần, anh Phạm Hồng T đã trả tiền lãi là 4.500.000 đồng, hiện vẫn nợ Phạm Văn T số tiền gốc vay nêu trên. Số tiền thu lời bất chính do thu lãi suất vượt quá 20%/1 năm là 3.990.411 đồng.

13. Chị Phạm Thị Ánh T, sinh năm 1982, ở Tổ dân phố A, phường B, thị xã C: Từ tháng 12/ 2018, chị T đã bốn lần vay tiền của Phạm Văn T với tổng số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất vay là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*tức 146%/1 năm*); thỏa thuận 30 ngày đóng lãi 01 lần, chị T đã trả được số tiền lãi là 150.600.000 đồng. Hiện chị T vẫn nợ Phạm Văn T số tiền gốc của bốn lần vay nêu trên. Số tiền thu lời bất chính do thu lãi suất vượt quá 20% /1 năm là 129.643.844 đồng.

14. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1979, ở Tổ dân phố A, phường B, thị xã C: Ngày 18/01/2020, anh Phạm Văn T vay Phạm Văn T số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất vay là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*tức 146%/1 năm*); thỏa thuận 30 ngày đóng lãi 01 lần, anh Phạm Văn T đã trả Phạm Văn T số tiền lãi là 6.000.000 đồng và trả xong số tiền gốc vay trên. Số tiền thu lời bất chính do thu lãi suất vượt quá 20% /1 năm là 5.123.288 đồng.

15. Chị Đặng Thị H, sinh năm 1981, ở Tổ dân phố A, phường B, thị xã C: Từ ngày 23/4/2018, chị H đã ba lần vay tiền của Phạm Văn T với tổng số tiền 50.000.000 đồng lãi suất vay là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*tức 146%/1 năm*); thỏa thuận 30 ngày đóng lãi 01 lần, chị H đã trả số tiền lãi là 76.800.000 đồng. Hiện chị H còn nợ Phạm Văn T số tiền gốc của ba lần vay nêu trên. Số tiền thu lời bất chính do thu lãi suất vượt quá 20% /1 năm là 66.098.635 đồng. Chị H còn khai: Tháng 11/2018, chị H có vay của ông Phạm Thanh T là bố đẻ của Phạm Văn T 02 lần với tổng số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất vay là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*tức 146%/1 năm*); thỏa thuận 30 ngày đóng lãi 01 lần, chị H đã trả số tiền lãi là 47.000.000 đồng nhưng ông Phạm Văn T1 chỉ thừa nhận có cho chị H vay

60.000.000 đồng không tính lãi. Do vậy không có đủ căn cứ để xử lý đối với ông Tùng.

16. Anh Phạm Văn S, sinh năm 1973, ở tổ dân phố P, phường B, thị xã Mỹ Hòa: Ngày 13/01/2020, anh S viết giấy bán xe mô tô biển số 8F1-17367 và thế chấp giấy đăng ký xe mô tô trên để vay Phạm Văn T số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất vay là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*tức 109,5%/1 năm*); thỏa thuận 30 ngày đóng lãi 01 lần. Anh S đã trả lãi với số tiền 1.350.000 đồng, hiện anh S còn nợ Phạm Văn T số tiền gốc vay nêu trên. Số tiền thu lời bất chính do thu lãi suất vượt quá 20%/1 năm là 1.097.945 đồng.

17. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1980, ở tổ dân phố P phường B, thị xã Mỹ Hòa: Ngày 14/10/2019, anh Thắng viết giấy bán xe mô tô biển số 89F1-32505 và thế chấp giấy đăng ký xe mô tô số 029605 mang tên Vũ Thị B (là vợ anh Thắng) để vay Phạm Văn T số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất vay là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*tức 182,5%/1 năm*); thỏa thuận 30 ngày đóng lãi 01 lần. Anh T đã trả lãi với số tiền 9.000.000 đồng, hiện còn nợ Phạm Văn T số tiền gốc vay nêu trên. Số tiền thu lời bất chính do thu lãi suất vượt quá 20%/1 năm là 7.991.781 đồng.

Như vậy tổng số tiền Phạm Văn T cho vay với lãi xuất trên 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 482.000.000 đồng, người vay đã trả nợ được 130.000.000 đồng, còn nợ Phạm Văn T 352.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi thu được là 412.790.000 đồng, trong đó mức lãi suất 20%/năm là 56.519.979; số tiền thu lời bất chính do thu lãi suất vượt quá 20%/1 năm là 356.270.021 đồng.

Ngoài ra Phạm Văn T còn cho ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964, ở tổ dân phố D, phường E, thị xã C, vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất vay là 2.000đồng/01 triệu/ 01 ngày (*tức 73%/1 năm*); cho anh Nguyễn Văn An, sinh năm 1986, ở tổ dân phố P, phường B, thị xã C vay tổng số 80.000.000 đồng, lãi suất vay là 1.500 đồng/01 triệu/ 01 ngày (*tức 54,75%/1 năm*); cho Anh Nguyễn Doanh T, sinh năm 2000 ở tổ dân phố N, phường B, thị xã C vay số tiền 10.000.000 đồng nhưng không tính lãi nên không đủ yếu tố để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với số tiền thu lời bất chính do thu lãi suất vượt quá 20%/1năm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (người vay tiền) đều không yêu cầu bị cáo phải trả lại.

Quá trình điều tra bị cáo Phạm Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 81/CT-VKS-P2 ngày 28/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về các tội: Đánh bạc và Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 1 Điều 321 và khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phân tích, đánh giá chứng cứ chứng minh tội phạm và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Văn T

như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội Đánh bạc và tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự; áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; khoản 1 Điều 321; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự, xử phạt Phạm Văn Phạm Văn T 09 tháng đến 01 năm tù về tội Đánh bạc và 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 14/5/2020; phạt bổ sung Phạm Văn Phạm Văn T từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Truy thu, sung vào Ngân sách nhà nước của Phạm Văn T tổng số tiền 538.519.979 đồng, gồm: Số tiền gốc Phạm Văn T cho vay lãi nặng là 482.000.000 đồng và 56.519.979 đồng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm. Đối trừ số tiền 13.000.000 đồng đã thu giữ của bị cáo T và ghi nhận bị cáo đã tự nguyện nộp trước khi xét xử 300 triệu đồng, buộc bị cáo phải nộp tiếp số tiền còn lại là 225.519.979 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền bán lô đề của bị cáo T ngày 14/5/2020 là 6.650.000 đồng.

Đối với số tiền 356.270.021 đồng Phạm Văn T thu lợi của người vay do thu lãi suất vượt quá 20%/năm, người vay không có yêu cầu đề nghị gì và không yêu cầu bị cáo phải trả lại nên không xem xét giải quyết.

Tịch thu, phát mãi, sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng bên trong có 01 sim Viettel thu của Phạm Văn T.

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen bên trong có 01 sim Viettel và số tiền 7.120.000 đồng.

Trả lại cho: Anh Nguyễn Doanh T 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Doanh Nguyễn Doanh T; Anh Nguyễn Văn T 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T; Anh Phạm Đình T 01 chứng nhận đăng ký mô tô xe máy mang tên Phạm Đình T; anh Phạm Văn S 01 chứng nhận đăng ký mô tô xe máy mang tên Phạm Văn S; chị Vũ Thị B 01 chứng nhận đăng ký mô tô xe máy mang tên Vũ Thị B

Tịch thu cho tiêu hủy 01 chiếc bút bi vỏ màu xanh bạc.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Hưng Yên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng từ giai đoạn điều tra cho đến phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện điều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản khám xét; vật chứng thu giữ; lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, của người làm chứng; sổ ghi chép các khoản vay; kết luận giám định về chữ viết, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ căn cứ xác định:

Với động cơ, mục đích vụ lợi: Ngày 14/5/2020 tại số 1186 đường Nguyễn Văn L, phường B, thị xã C, tỉnh Hưng Yên, Phạm Văn T có hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi bán số lô, số đề với tổng số tiền 6.650.000 đồng.

Và trong khoảng thời gian từ ngày 23/4/2018 đến ngày 14/5/2020, tại phường B, thị xã C, Phạm Văn T đã cho 17 người vay lãi nặng theo hình thức “*vay trả lãi ngày*” hoặc hình thức nhận cầm cố tài sản, giấy tờ với lãi suất từ 3.000 đồng đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương ứng 109,5%/1 năm đến 182,5%/1 năm. Tổng số tiền gốc Phạm Văn T cho vay là 482.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi thu được là 412.790.000 đồng, trong đó mức lãi suất 20%/năm là 56.519.979 đồng; số tiền thu lời bất chính do thu lãi suất vượt quá 20%/1 năm là 356.270.021 đồng.

Bị cáo Phạm Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi đánh bạc với tổng số tiền là 6.650.000 đồng và cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lời bất chính số tiền 356.270.021 đồng của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc và tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại Điều 321 và Điều 201 Bộ luật hình sự.

Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 2 Điều 201 và khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng và trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính; Gây mất trật tự trị an xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng chống các tệ nạn xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi mua bán số lô, đề và hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì động cơ vụ lợi nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó, phải xem xét, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo đã tác động gia đình

nộp 300.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; ngoài ra bị cáo có ông Ngoại được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì; Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng nhưng vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[5]. Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo; trên cơ sở đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

*** Về hình phạt bổ sung:** Bị cáo phạm tội với động cơ vụ lợi nên cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Trong khoảng thời gian từ ngày 23/4/2018 đến ngày 14/5/2020, Phạm Văn T cho vay lãi nặng thu lãi suất vượt quá 20%/năm, thu lợi tổng số tiền là 356.270.021 đồng; Kết quả điều tra xác định những người vay tiền của bị cáo đều không dùng tiền vay vào mục đích bất hợp pháp, người vay không có yêu cầu đề nghị gì về trách nhiệm dân sự và không yêu cầu bị cáo hoàn trả khoản tiền này nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền 26.770.000 đồng thu giữ của bị cáo Phạm Văn T khi bắt quả tang và khám xét quán “Trà chanh PC”, xét thấy trong đó có: 6.650.000 đồng là tiền bị cáo T bán số lô, đề cho khách ngày 14/5/2020, đây là tiền liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước; 13.000.000 đồng tiền lãi do bị cáo thu của người vay nên sẽ được đối trừ vào số tiền lãi Phạm Văn T bị truy thu; số tiền còn lại là 7.120.000 đồng không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với khoản tiền lãi 20%/năm bị cáo nhận từ những người vay tương ứng với số tiền 56.519.979 đồng, đây là số tiền lãi phát sinh từ hành vi phạm tội nên truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước. Và khoản tiền (tiền gốc) 482.000.000 đồng bị cáo sử dụng để cho vay lãi nặng, được xác định là phương tiện phạm tội nên sẽ truy thu để sung vào ngân sách Nhà nước. Như vậy, tổng số tiền truy thu của bị cáo để sung quỹ Nhà nước của hai khoản tiền trên là 538.519.979 đồng (*Năm trăm ba mươi tám triệu năm trăm mười chín nghìn chín trăm bảy chín đồng*).

Ghi nhận bị cáo đã tự nguyện nộp trước để khắc phục hậu quả 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0001596 ngày 24/8/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên và 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng*) tiền lãi bị cáo thu của người vay trong khoản tiền 26.770.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng*) Cơ quan điều tra đã thu của bị cáo sẽ được đối trừ khoản tiền truy thu của bị cáo, bị cáo phải nộp tiếp số tiền truy thu còn lại là 225.519.979 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm mười chín nghìn, chín trăm bảy chín đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 02 chiếc điện thoại di động (ĐTDD) Iphone thu giữ của Phạm Văn T, trong đó có: 01 ĐTDD nhãn hiệu Iphone màu vàng bên trong có 01 sim Viettel Phạm Văn T sử dụng để chuyển bảng lô đề, là vật liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu phát mãi, sung quỹ Nhà nước; 01 chiếc ĐTDD nhãn hiệu Iphone màu đen bên trong có 01 sim Viettel không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho Phạm Văn T.

- Đối với: 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Doanh T; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T; 01 Chứng nhận đăng ký mô tô xe máy mang tên Phạm Đình T; 01 Chứng nhận đăng ký mô tô xe máy mang tên Phạm Văn S; 01 Chứng nhận đăng ký mô tô xe máy mang tên Vũ Thị B sẽ trả lại cho chủ sở hữu.

- Đối với 01 chiếc bút bi vỏ màu xanh bạc do không còn giá trị sử dụng nên tịch thu cho tiêu hủy

- Đối với: Các quyền sở ký hiệu A1, A2; các cấp lô đề ký hiệu A3, A4, A5; 01 quyền sở màu hồng; 02 quyền sở màu hồng ký hiệu S1, S2; các hợp đồng cho vay cầm đồ; 01 quyền sở màu đen có chữ BUSINESS là tài liệu, chứng cứ có ý nghĩa chứng minh tội phạm nên cần được tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 3; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

- **Tuyên bố:** Bị cáo Phạm Văn T phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và tội Đánh bạc.

- **Áp dụng:** khoản 2, khoản 3 Điều 201; khoản 1 Điều 321; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự.

- **Xử phạt:** Bị cáo Phạm Văn T 01 năm 06 tháng tù về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và 09 tháng tù về tội Đánh bạc. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 02 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 14/5/2020.

* **Về hình phạt bổ sung:** Phạt bổ sung bị cáo Phạm Văn T 30.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Truy thu, sung vào ngân sách Nhà nước của bị cáo Phạm Văn T: Số tiền gốc 482.000.000 đồng bị cáo sử dụng cho vay lãi nặng và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 56.519.979 đồng. Tổng số tiền truy thu của bị cáo là 538.519.979 đồng (*Năm trăm ba mươi tám triệu năm trăm mười chín nghìn chín trăm bảy mươi chín đồng*).

Ghi nhận bị cáo đã nộp trước 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0001596 ngày 24/8/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh

Hưng Yên và đã thu của bị cáo 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng*) trong quá trình điều tra (*Số tiền hiện đang gửi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Hưng Yên*).

Truy thu tiếp số tiền còn lại của bị cáo Phạm Văn T là 225.519.979 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm mười chín nghìn, chín trăm bảy chín đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

- Tịch thu, phát mại sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng bên trong có 01 sim Viettel.

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 19.650.000 đồng. (*Số tiền hiện đang gửi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Hưng Yên*).

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T: Số tiền 7.120.000 đồng (*Số tiền hiện đang gửi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Hưng Yên*); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen bên trong có 01 sim Viettel.

- Trả lại cho: Anh Nguyễn Doanh T 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Doanh Nguyễn Doanh T; Anh Nguyễn Văn T 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T; anh Phạm Đình T 01 Chứng nhận đăng ký mô tô xe máy mang tên Phạm Đình T; anh Phạm Văn S 01 Chứng nhận đăng ký mô tô xe máy mang tên Phạm Văn S; chị Vũ Thị B 01 Chứng nhận đăng ký mô tô xe máy mang tên Vũ Thị B.

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 chiếc bút bi vỏ màu xanh bạc.

(*Số lượng, chủng loại, đặc điểm, tình trạng vật chứng theo quyết định chuyển vật chứng số 33/QĐ-VKS-P2 ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên*).

3. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan CSĐT (CSHS) - CA tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Biểu